

# Bài 4 HÌNH THỨC PHÁP LUẬT

## Nội dung

Trong bài này, người học sẽ được tiếp cận các nội dung:

- Khái niệm hình thức pháp luật.
- Các hình thức pháp luật.

## Mục tiêu

- Xác định được khái niệm hình thức pháp luật.
- Xác định được các hình thức của pháp luật.
- Xác định được đặc trưng cơ bản của từng hình thức pháp luật.
- Xác định được các hình thức của pháp luật Việt Nam.

## Hướng dẫn học

Để học tốt bài này người học cần:

- Nắm được những vấn đề lý luận về hình thức pháp luật được phân tích trong giáo trình Pháp luật đại cương, giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật thuộc danh mục tài liệu tham khảo của môn học.
- Nghiên cứu nội dung của các văn bản pháp luật hiện hành liên quan đến việc xác định các hình thức pháp luật của Việt Nam như: Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ luật Dân sự 2015, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hiến pháp 2013.

**T**rước thực trạng hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, thiếu thống nhất, tính khả thi thấp, chậm đi vào cuộc sống, ngày 24-5-2005 Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 48-NQ/TW về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 (Nghị quyết số 48-NQ/TW) nhằm khắc phục những hạn chế, yếu kém đó. Nghị quyết số 48-NQ/TW là văn kiện chính trị quan trọng của Đảng định hướng cho sự phát triển của hệ thống pháp luật nước ta trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Qua 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết, có thể nói, hệ thống pháp luật của nước ta, về cơ bản, đã ở bước cuối của giai đoạn xây dựng để có đủ luật điều chỉnh các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội theo đúng mục tiêu đề ra trong Nghị quyết số 48-NQ/TW và chuẩn bị bước sang giai đoạn hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng các yêu cầu phát triển mới của đất nước.

Trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật hiện hành việc coi tập quán pháp như nguồn bổ trợ của pháp luật đã trở nên hết sức rõ ràng. Tuy nhiên, dù có cơ sở pháp lý cụ thể, song các quy định pháp luật đó khả thi hay không lại là vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu. Xoay quanh vấn đề này, có ý kiến cho rằng: Trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, khi mà cả xã hội đề cao tính thượng tôn pháp luật, thì liệu còn cần đến tập quán pháp để giải quyết tranh chấp phát sinh trong đời sống xã hội? Và thực tế, từ khi Việt Nam bắt đầu thừa nhận tập quán pháp, những quy định về thừa nhận tập quán có phát huy được hiệu lực hay không? Trong phạm vi nghiên cứu, tác giả bài viết này hướng đến trả lời những câu hỏi đó thông qua việc điếm lại cơ sở pháp lý và thực tiễn áp dụng tập quán trong lĩnh vực dân sự, từ đó đề xuất những kiến nghị nhằm hoàn thiện hơn hệ thống pháp luật nói chung, pháp luật dân sự nói riêng trong thời gian tới.

#### 4.1. Khái niệm hình thức pháp luật

##### Khái niệm hình thức pháp luật

Hình thức pháp luật cũng như hình thức của các sự vật, hiện tượng khác luôn bao gồm hình thức bên trong và hình thức bên ngoài.

Hình thức bên trong của pháp luật là cơ cấu bên trong của pháp luật, phản ánh mối liên hệ giữa các quy phạm cấu thành pháp luật. Trong khoa học pháp lý, hình thức bên trong của pháp luật được đề cập bằng khái niệm hình thức cấu trúc pháp luật. Nội dung này được trình bày tại bài 6 của giáo trình: Hệ thống pháp luật.

Hình thức bên ngoài của pháp luật là biểu hiện ra bên ngoài của pháp luật – là dạng thức tồn tại của pháp luật. Hình thức bên ngoài của pháp luật được tiếp cận trong mối tương quan với nội dung của nó.

Theo cách hiểu này thì hình thức pháp luật là biểu hiện ra bên ngoài của pháp luật, là phương thức tồn tại của pháp luật (phương thức chứa đựng nội dung của pháp luật) mà con người có thể nhận biết được. *Hình thức pháp luật là cách thức mà giai cấp thống trị sử dụng để thể hiện ý chí của mình thành pháp luật.*

Bởi hình thức pháp luật chính là những biểu hiện ra bên ngoài của pháp luật, nên hình thức pháp luật còn được coi là nguồn của pháp luật.

##### Khái niệm nguồn pháp luật

Nguồn của pháp luật là khái niệm rộng, có thể được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau và có thể được xem xét dưới nhiều góc độ khác nhau. Theo nghĩa hẹp, nguồn của pháp luật là khái niệm dùng để chỉ tất cả những nơi có chứa đựng các quy định mà các thẩm phán,

cơ quan có thẩm quyền có thể dựa vào đó để giải quyết vụ án hay các vụ việc cụ thể. Theo nghĩa rộng, nói đến nguồn của pháp luật là nói đến nguồn gốc của các khái niệm, các tư tưởng pháp lý; nói đến các chủ thể có thẩm quyền ban hành pháp luật; nói đến các quy định của pháp luật; nói đến nơi chứa đựng các quy định của pháp luật nói chung và các quy định về hiệu lực của các đạo luật và các quyết định của toà án; nói đến điểm khởi nguồn của pháp luật hoặc sự phân tích pháp lý... Trong phạm vi giáo trình này, nguồn pháp luật được xem xét theo nghĩa hẹp - dưới khía cạnh nguồn hình thức của nó.

*Nguồn pháp luật là các yếu tố chứa đựng hoặc cung cấp căn cứ pháp lý cho hoạt động của cơ quan nhà nước, nhà chức trách có thẩm quyền và các chủ thể khác trong xã hội.*

## 4.2. Các hình thức pháp luật

### 4.2.1. Hình thức bên trong

Bao gồm: hệ thống pháp luật, ngành luật, chế định pháp luật, quy phạm pháp luật.

- Quy phạm pháp luật: là qui tắc xử sự mang tính bắt buộc chung, là cơ sở tế bào, là đơn vị nhỏ nhất và là biểu hiện cụ thể của Pháp luật. Qui phạm là công cụ tác động trực tiếp lên các quan hệ xã hội.
- Chế định pháp luật: Một tập hợp các quy phạm pháp luật để điều chỉnh một nhóm quan hệ xã hội có tính chất giống nhau hoặc có quan hệ mật thiết với nhau.  
Ví dụ: Chế định hợp đồng kinh tế nằm trong ngành luật kinh tế, điều chỉnh các quan hệ ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế.
- Ngành luật: Tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh một lĩnh vực quan hệ xã hội nhất định với phương pháp điều chỉnh tương ứng.  
Ví dụ ngành luật hình sự: điều chỉnh những hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm và phương pháp điều chỉnh nó là trừng phạt. Vì vậy người ta gọi ngành luật là tội phạm và hình phạt
- Hệ thống pháp luật: là một chính thể thống nhất các bộ phận hợp thành (ngành luật, chế định pháp luật, quy phạm pháp luật) mang những đặc điểm nội dung trên cơ sở những nguyên tắc thống nhất của pháp luật một quốc gia.

### 4.2.2. Hình thức bên ngoài

#### a. Tập quán pháp

Tập quán pháp là những tập quán được Nhà nước thừa nhận có giá trị pháp lý, trở thành những quy tắc xử sự chung và được Nhà nước đảm bảo thực hiện.

Tập quán là một loại nguồn của pháp luật và cũng là dạng thức tồn tại của pháp luật trên thực tế. Ở hình thức này, pháp luật tồn tại dưới dạng thói quen ứng xử của cộng đồng. Khi một tập quán được Nhà nước thừa nhận là tập quán pháp, nó sẽ có giá trị bắt buộc và được đảm bảo thực hiện. Có nhiều cách khác nhau để nhà nước thừa nhận tập quán pháp, chẳng hạn: liệt kê danh mục các tập quán được Nhà nước thừa nhận, đưa các tập quán vào pháp luật thành văn, áp dụng tập quán để giải quyết các vụ việc phát sinh trong thực tiễn. Do vậy, tập quán pháp có thể hình thành từ hoạt động lập pháp hoặc từ hoạt động tư pháp (các cơ quan tư pháp áp dụng tập quán để giải quyết công việc cụ thể). Việc nhà nước thừa nhận một tập quán nào là tập quán pháp phụ thuộc nhiều vào điều

kiện kinh tế - xã hội của đất nước. Thông thường, chỉ những tập quán không trái với các giá trị đạo đức và trật tự công mới được thừa nhận là tập quán pháp.

Mặc dù là nguồn pháp luật được sử dụng từ sớm nhất và tương đối phổ biến khi hệ thống pháp luật thành văn chưa phát triển. Nhưng trong giai đoạn hiện nay, tập quán pháp đóng vai trò là nguồn bổ sung cho những khoảng trống trong văn bản quy phạm pháp luật. Nguyên tắc áp dụng tập quán pháp luôn được nhà nước xác định.

### **b. *Tiền lệ pháp (Án lệ)***

Tiền lệ pháp hay phép xét xử theo tiền lệ (án lệ) là một hình thức của pháp luật, theo đó Nhà nước thừa nhận những bản án, quyết định giải quyết vụ việc của Tòa án (trong các tập san án lệ) làm khuôn mẫu và cơ sở để đưa ra phán quyết cho những vụ việc hoặc trường hợp có tình tiết hay vấn đề tương tự sau đó. Tiền lệ pháp còn được coi là quá trình làm luật của tòa án trong việc công nhận và áp dụng các nguyên tắc mới trong hoạt động xét xử. Vì vậy, tiền lệ pháp là thành quả của hoạt động lập pháp và hoạt động áp dụng pháp luật. Hay nói cách khác, nó là kết tinh của lý luận và thực tiễn.

Cơ sở hình thành án lệ chính là những khiếm khuyết của hệ thống pháp luật. Khi có những khiếm khuyết của hệ thống pháp luật, Tòa án sẽ viện dẫn những căn cứ pháp luật được coi là hợp lý để đưa ra một phán quyết có tính đột phá và bản án này sẽ được Tòa án tối cao công bố là án lệ để áp dụng chung cho các trường hợp tương tự do khiếm khuyết quy phạm hoặc chưa có dẫn chiếu quy phạm rõ ràng.

Tiền lệ pháp là hình thức pháp luật đặc thù trong luật pháp của những quốc gia thuộc hệ thống pháp luật Anh – Mỹ. Đặc trưng của tiền lệ pháp thể hiện ở tính chất khuôn mẫu bắt buộc của nó. Việc áp dụng tiền lệ pháp đòi hỏi sự đối chiếu các tình tiết của vụ việc đang xem xét với tình tiết tương tự đã giải quyết để từ đó có thể áp dụng hình phạt hoặc cách giải quyết đã có.

Pháp luật của mỗi quốc gia sẽ quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự thủ tục để tạo ra và áp dụng án lệ. Các bản án, quyết định được thừa nhận là án lệ sẽ được viện dẫn làm căn cứ pháp lý để giải quyết các vụ việc có tính chất tương tự.

Về mặt hiệu lực pháp lý, án lệ cũng có thứ bậc cao thấp, phụ thuộc vào thẩm quyền của cơ quan tạo ra án lệ. Theo đó, cơ quan cấp dưới phải tuân thủ án lệ do cơ quan cấp trên tạo ra.

### **c. *Văn bản quy phạm pháp luật***

Là văn bản do các chủ thể có thẩm quyền ban hành theo hình thức, trình tự, thủ tục luật định, có chứa đựng các quy tắc xử sự chung nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội.

Văn bản quy phạm pháp luật là hình thức pháp luật thành văn, thể hiện rõ nét nhất về mặt hình thức của pháp luật. với các đặc trưng cơ bản: chính xác, rõ ràng, minh bạch... để đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ của cả hệ thống pháp luật... văn bản quy phạm pháp luật là nguồn pháp luật quan trọng nhất của pháp luật. Tuy nhiên, phụ thuộc vào điều kiện lịch sử, tình hình kinh tế xã hội của mỗi quốc gia mà hình thức pháp luật này có được xác định là nguồn chủ yếu hay không.

Hầu hết các hệ thống pháp luật của các quốc gia trên thế giới đều thuộc một trong ba hệ thống sau: hệ thống Thông luật (Common Law), hệ thống Luật thành văn (Civil Law)

hay còn gọi là Dân luật và hệ thống Luật hồi giáo (Islamic Law). Trong đó, hai hệ thống pháp luật lớn nhất và phổ biến nhất thế giới là Common Law và Civil Law, các hệ thống pháp luật này có ảnh hưởng đến hệ thống pháp luật của nhiều quốc gia các châu lục (trong đó có Việt Nam).

Hệ thống pháp luật thông lệ (Common Law) được bắt nguồn từ các quyết định của Tòa án nên nguồn của luật thông lệ chủ yếu là các án lệ chứ không phải từ các văn bản pháp luật do cơ quan lập pháp ban hành. Thứ bậc nguồn luật của hệ thống pháp luật Common Law là: án lệ, luật thành văn, tập quán địa phương, các nguồn khác.

Hệ thống pháp luật thành văn (Civil Law) có nguồn chính là văn bản pháp luật. Văn bản pháp luật chiếm vị trí quan trọng nhất trong cấu trúc nguồn luật của các nước có hệ thống pháp luật thuộc Civil Law. Cấu trúc nguồn luật trong hệ thống Civil Law có thứ tự là: luật thành văn, tập quán địa phương, án lệ (các quyết định của tòa), học thuyết pháp luật, các nguyên tắc pháp luật...

#### **d. Các loại nguồn khác của pháp luật**

##### **Điều ước quốc tế**

Điều ước quốc tế là những văn bản trong đó có chứa đựng các nguyên tắc, quy tắc xử sự do các chủ thể quốc tế thỏa thuận ban hành.

Điều ước quốc tế, là “*một hiệp định quốc tế được ký kết bằng văn bản giữa các quốc gia và được pháp luật quốc tế điều chỉnh, dù được ghi nhận trong một văn kiện duy nhất hoặc trong hai hay nhiều văn kiện có quan hệ với nhau và bất kể tên gọi riêng của nó là gì*”.

Như vậy, một Điều ước quốc tế có thể được đặt tên là Công ước, Hiệp ước, Hiệp định, Hiến chương, Quy chế, Tuyên bố... tùy theo sự thỏa thuận của các quốc gia tham gia vào Điều ước quốc tế mà không ảnh hưởng tới bản chất của văn bản được ký kết – sự ràng buộc tự nguyện đối với các quyền và nghĩa vụ pháp lý giữa các quốc gia với nhau. Sự chấp nhận ràng buộc đó cũng có thể được thể hiện ở những hành động khác nhau như “*ký kết, phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập, hoặc bằng mọi cách khác được thỏa thuận như vậy*”.

Ngày nay, cùng với việc phát triển của sự tương tác giữa các quốc gia, Điều ước quốc tế đã bao trùm lên mọi lĩnh vực của đời sống quốc tế như an ninh quốc tế, hàng không vũ trụ, môi trường, khoa học công nghệ, thương mại quốc tế,... Do vậy điều ước quốc tế được coi là nguồn quan trọng của pháp luật.

Các quốc gia ký kết điều ước quốc tế có thể ban hành các văn bản quy phạm pháp luật mới hoặc sửa đổi, bổ sung những quy định trong hệ thống pháp luật hiện hành của mình nhằm cụ thể hóa các nội dung của điều ước quốc tế. Đây là quá trình nội luật hóa điều ước quốc tế. Điều ước quốc tế cũng có thể không qua giai đoạn nội luật hóa. Trường hợp này, các quốc gia sẽ có quy định cụ thể về việc áp dụng trực tiếp điều ước quốc tế.

##### **Các quan niệm, chuẩn mực đạo đức xã hội**

Các quan niệm, chuẩn mực đạo đức xã hội là nguồn quan trọng bổ sung cho những hạn chế trong hệ thống pháp luật của quốc gia. Bởi thực tế, có những hành vi xử sự trong đời sống xã hội chưa được pháp luật dự liệu để xử lý, không có tập quán pháp hay chưa có án lệ, trong khi nhu cầu chính đáng của xã hội là cần phải xử lý đối với hành vi đó. Trường hợp này, nhà chức trách cần căn cứ vào các chuẩn mực đạo đức, vào cảm nhận

về lẽ phải, lẽ công bằng trong cuộc sống mà phần lớn thành viên xã hội đều công nhận để giải quyết.

### **Đường lối, chính sách của lực lượng cầm quyền**

Đối với một số quốc gia thì đường lối, chính sách là một loại nguồn đặc biệt của pháp luật, có vai trò quan trọng trong hệ thống pháp luật quốc gia. Đường lối, chính sách của lực lượng cầm quyền đôi khi có thể được viện dẫn để thay thế các văn bản quy phạm pháp luật.

### **Quan điểm, học thuyết pháp lý**

Đây là căn cứ để hoàn thiện hệ thống pháp luật của quốc gia. Trong một số trường hợp khi có những sự việc xảy ra nhưng chưa được quy định bởi pháp luật, không có tập quán, chưa có án lệ... làm cơ sở cho việc giải quyết, các nhà chức trách cần căn cứ vào các quan điểm, lập luận khoa học của các học giả, các nhà khoa học pháp lý để đưa ra phương án giải quyết.

## **4.3. Văn bản quy phạm pháp luật**

### **4.3.1. Khái niệm của văn bản quy phạm pháp luật**

Văn bản quy phạm pháp luật là sản phẩm của hoạt động xây dựng pháp luật, do đó văn bản quy phạm pháp luật phải do cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền ban hành theo đúng trình tự, thủ tục luật định và nội dung của nó phải chứa quy phạm pháp luật. Hiện nay, các quy định pháp luật về việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam được thể hiện tập trung trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tại Điều 2, khoản 1 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 đã xác định: “*Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản có chứa quy phạm pháp luật, được ban hành đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật này.*”

### **4.3.2. Đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật**

Văn bản quy phạm pháp luật có những đặc điểm sau đây:

*Một là*, văn bản quy phạm pháp luật phải do các cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền ban hành hoặc phối hợp ban hành

*Hai là*, văn bản quy phạm pháp luật được ban hành dưới những hình thức do pháp luật quy định.

*Ba là*, việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải tuân theo trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định. Trình tự và thủ tục để ban hành văn bản quy phạm pháp luật được quy định chặt chẽ trong một đạo luật do Quốc hội ban hành.

*Bốn là*, nội dung của văn bản quy phạm pháp luật phải có chứa các quy phạm pháp luật. Trong đó, quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng lặp đi lặp lại nhiều lần đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước hoặc đơn vị hành chính nhất định, do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành.

*Năm là*, Nhà nước bảo đảm việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật bằng các biện pháp thích hợp như tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục, các biện pháp về tổ chức, hành chính, kinh tế và trong trường hợp cần thiết là biện pháp cưỡng chế bắt buộc thi hành.



Những đặc điểm trên giúp chúng ta phân biệt văn bản quy phạm pháp luật với các văn bản không phải là văn bản quy phạm pháp luật. Bởi có những văn bản do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành nhưng không có đủ các đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật. Chẳng hạn văn bản không chứa đựng quy phạm pháp luật, hoặc văn bản không tuân thủ đúng trình tự, thủ tục luật định. Trong số những văn bản đó có loại văn bản xuất hiện tương đối phổ biến như: Nghị quyết của Quốc hội về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh; Nghị quyết của Quốc hội về miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc phê duyệt kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội và các chức vụ khác; Lệnh của Chủ tịch nước công bố luật, pháp lệnh; Quyết định lên lương, khen thưởng, kỷ luật, điều động công tác; Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, cho từ chức, tạm đình chỉ công tác cán bộ, công chức trong thời gian chờ xử lý; Quyết định phê chuẩn kết quả bầu cử các thành viên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Quyết định xử lý vi phạm hành chính... Đó thường là các văn bản cá biệt để giải quyết vụ việc cụ thể, áp dụng một lần cho một hoặc một số đối tượng cụ thể.

#### 4.3.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam

Theo Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm:

##### **a. Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội**

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là luật cơ bản của Nhà nước, có hiệu lực pháp lý cao nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước ta. Hiến pháp quy định những vấn đề cơ bản nhất của Nhà nước như: bản chất và hình thức của Nhà nước; thể chế chính trị, kinh tế, xã hội của Nhà nước; địa vị pháp lý của công dân; hệ thống tổ chức, nguyên tắc hoạt động và thẩm quyền của các cơ quan nhà nước... Với thẩm quyền lập hiến, Quốc hội có quyền ban hành hoặc sửa đổi Hiến pháp. Hiến pháp được Quốc hội thông qua với ít nhất là hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành. Quốc hội quy định việc soạn thảo, thông qua, công bố Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp và thủ tục, trình tự giải thích Hiến pháp.

Luật (đạo luật) là văn bản quy phạm pháp luật có giá trị sau Hiến pháp. Luật của Quốc hội quy định các vấn đề cơ bản thuộc lĩnh vực kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, tài chính, tiền tệ, ngân sách, thuế, dân tộc, tôn giáo, văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, đối ngoại, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, chế độ công vụ, cán bộ, công chức, quyền và nghĩa vụ của công dân. Luật do Quốc hội thông qua với ít nhất quá nửa tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành. Xây dựng và ban hành luật là hoạt động chủ yếu của Quốc hội trong các kỳ họp.

Nghị quyết của Quốc hội được ban hành để quyết định tỷ lệ phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành; Tạm ngưng hoặc kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần luật, nghị quyết của Quốc hội đáp ứng các yêu cầu cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quyền con người, quyền công dân; Quy định về tình trạng khẩn cấp, các biện pháp đặc biệt khác bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc

gia; Đại xá; Vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Cũng như luật, nghị quyết của Quốc hội phải được quá nửa tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành.

**b. *Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội***

Pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định những vấn đề được Quốc hội giao. Thông thường sau một thời gian thực hiện pháp lệnh, nội dung đó sẽ được trình Quốc hội xem xét để quyết định ban hành thành luật.

Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội được ban hành để giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh; Tạm ngưng hoặc kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội đáp ứng các yêu cầu cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội; Bãi bỏ pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; trường hợp bãi bỏ pháp lệnh thì Ủy ban thường vụ Quốc hội có trách nhiệm báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất; Tổng động viên hoặc động viên cục bộ; ban bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương; Hướng dẫn hoạt động của Hội đồng nhân dân; Vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**c. *Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước***

Với tư cách là người đứng đầu Nhà nước, người thay mặt Nhà nước về đối nội và đối ngoại, Chủ tịch nước ban hành lệnh, quyết định để thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước do Hiến pháp, luật quy định.

Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước được ban hành để tổng động viên hoặc động viên cục bộ, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương trong trường hợp Ủy ban thường vụ Quốc hội không thể họp được; và vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước.

**d. *Nghị định của Chính phủ***

Nghị định của Chính phủ được ban hành về các vấn đề sau đây:

- Đề quy định chi tiết các điều, khoản, điểm được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước;
- Đề đưa ra các biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; các biện pháp để thực hiện chính sách kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, tài chính, tiền tệ, ngân sách, thuế, dân tộc, tôn giáo, văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, đối ngoại, chế độ công vụ, cán bộ, công chức, viên chức, quyền, nghĩa vụ của công dân và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quản lý, điều hành của Chính phủ; những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của từ hai bộ, cơ quan ngang bộ trở lên; nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác thuộc thẩm quyền của Chính phủ;
- Quy định về vấn đề cần thiết thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội nhưng chưa đủ điều kiện xây dựng thành luật hoặc pháp lệnh nhưng cần



phải được điều chỉnh để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Trước khi ban hành nghị định này phải được sự đồng ý của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**e. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ**

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ được ban hành về các vấn đề:

- Để đưa ra biện pháp lãnh đạo, điều hành hoạt động của Chính phủ và hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương, chế độ làm việc với các thành viên Chính phủ, chính quyền địa phương và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ;
- Để đưa ra biện pháp chỉ đạo, phối hợp hoạt động của các thành viên Chính phủ; kiểm tra hoạt động của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương trong việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

**f. Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao**

Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao được ban hành để hướng dẫn việc áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử thông qua tổng kết việc áp dụng pháp luật, giám đốc việc xét xử.

Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao được ban hành để thực hiện việc quản lý các Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự về tổ chức và những vấn đề khác được Luật tổ chức Tòa án nhân dân và luật khác có liên quan giao cho Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định cụ thể.

**g. Thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao**

Thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao được ban hành để quy định những vấn đề được Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân và luật khác có liên quan giao cho Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định cụ thể.

**h. Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ**

Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ được ban hành về các vấn đề sau đây:

- Để quy định chi tiết các điều, khoản, điểm được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- Để đưa ra biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước của mình.

**i. Quyết định của Tổng Kiểm toán Nhà nước**

Quyết định của Tổng Kiểm toán Nhà nước được ban hành để quy định chuẩn mực kiểm toán nhà nước, quy trình kiểm toán và hồ sơ kiểm toán.

**j. Nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam**

Nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được ban hành để quy định chi tiết những vấn đề được luật giao cho các cơ quan này quy định cụ thể.

**k. Thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao**

Thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao được ban hành để quy định về việc phối hợp giữa các cơ quan này trong việc thực hiện trình tự, thủ tục tố tụng.

**l. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân**

Hội đồng nhân dân các cấp có quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật dưới hình thức Nghị quyết và Ủy ban nhân dân các cấp có quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật dưới hình thức Quyết định để thực hiện thẩm quyền được luật giao.

#### 4.3.4. Hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật

Hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật là giới hạn tác động của nó theo thời gian, theo không gian (lãnh thổ) và phạm vi đối tượng thi hành. Những hành vi thực hiện trong giới hạn đó sẽ chịu sự điều chỉnh của văn bản quy phạm pháp luật. Căn cứ theo khái niệm trên, hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật gồm hiệu lực theo thời gian, hiệu lực theo không gian và hiệu lực theo đối tượng.

**a. Hiệu lực theo thời gian**

Hiệu lực theo thời gian của văn bản quy phạm pháp luật được xác định từ thời điểm phát sinh hiệu lực đến khi chấm dứt hiệu lực của văn bản.

- Thời điểm có hiệu lực của toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó nhưng không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước trung ương; không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; không sớm hơn 07 ngày kể từ ngày ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã.

Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành, đồng thời phải được đăng ngay trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan ban hành và phải được đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng; đăng Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc Công báo tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chậm nhất là sau 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành. Văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan ở trung ương

phải được đăng Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ trường hợp văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt phải được đăng Công báo cấp tỉnh. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phải được niêm yết công khai và phải được đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương. Thời gian và địa điểm niêm yết công khai do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định. Văn bản quy phạm pháp luật đăng trên Công báo in và Công báo điện tử là văn bản chính thức và có giá trị như văn bản gốc.

Văn bản quy phạm pháp luật cũng phải được đăng tải toàn văn trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành và đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng, trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước. Văn bản quy phạm pháp luật đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật có giá trị sử dụng chính thức.

- **Hiệu lực trở về trước của văn bản quy phạm pháp luật:** Về nguyên tắc, văn bản quy phạm pháp luật chỉ có hiệu lực điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh từ thời điểm có hiệu lực trở về sau. Nói một cách khác, thông thường văn bản quy phạm pháp luật không có hiệu lực trở về trước (hiệu lực hồi tố). Chỉ trong những trường hợp thật cần thiết, văn bản quy phạm pháp luật mới được quy định hiệu lực trở về trước. Không được quy định hiệu lực trở về trước đối với các trường hợp: một là quy định trách nhiệm pháp lý mới đối với hành vi mà vào thời điểm thực hiện hành vi đó pháp luật không quy định trách nhiệm pháp lý; hai là quy định trách nhiệm pháp lý nặng hơn.
- **Ngưng hiệu lực văn bản quy phạm pháp luật:** Văn bản quy phạm pháp luật bị đình chỉ việc thi hành thì ngưng hiệu lực cho đến khi có quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định hỦy bỏ thì văn bản hết hiệu lực, nếu không hỦy bỏ thì văn bản tiếp tục có hiệu lực. Thời điểm ngưng hiệu lực, tiếp tục có hiệu lực của văn bản hoặc hết hiệu lực của văn bản phải được quy định rõ tại quyết định đình chỉ việc thi hành, quyết định xử lý văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quyết định đình chỉ việc thi hành, quyết định xử lý văn bản quy phạm pháp luật phải được đăng Công báo, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng.
- **Hết hiệu lực (toàn bộ hoặc một phần) của văn bản quy phạm pháp luật được xác định trong các trường hợp sau đây:** một là hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản; hai là được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó; ba là bị bãi bỏ bằng một văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành văn bản đó cũng đồng thời hết hiệu lực.

#### ***b. Hiệu lực theo không gian và hiệu lực theo đối tượng***

Phạm vi áp dụng theo không gian của văn bản quy phạm pháp luật có thể là trên toàn lãnh thổ quốc gia, ở một địa phương hoặc trong một vùng nhất định. Đối tượng tác động của văn bản quy phạm pháp luật bao gồm cá nhân, tổ chức và những quan hệ xã hội mà

văn bản đó điều chỉnh. Hiệu lực theo không gian và đối tượng của văn bản quy phạm pháp luật phụ thuộc vào thẩm quyền của cơ quan ban hành văn bản đó.

Theo quy định hiện hành của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì các văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan nhà nước ở trung ương có hiệu lực trong phạm vi cả nước và áp dụng đối với mọi cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam, trừ trường hợp văn bản đó quy định khác. Văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan nhà nước trung ương có hiệu lực trong phạm vi cả nước và được áp dụng đối với mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân, trừ trường hợp văn bản có quy định khác hoặc Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác. Văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ban hành có hiệu lực trong phạm vi địa phương đó.

Văn bản quy phạm pháp luật cũng có hiệu lực đối với cơ quan, tổ chức, người nước ngoài ở Việt Nam, trừ trường hợp pháp luật của Việt Nam hoặc Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác. Hiện nay, phần lớn những văn bản có liên quan đến các Điều ước quốc tế đều quy định mối quan hệ này. Chẳng hạn, Điều 665 Khoản 2 Bộ luật dân sự 2015 quy định “Trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Phần này và luật khác về pháp luật áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài thì quy định của Điều ước quốc tế đó được áp dụng”.

## TÓM LƯỢC CUỐI BÀI

- Hình thức pháp luật là cách thức mà giai cấp thống trị sử dụng để thể hiện ý chí của mình thành pháp luật.
- Nguồn pháp luật là các yếu tố chứa đựng hoặc cung cấp căn cứ pháp lý cho hoạt động của cơ quan nhà nước, nhà chức trách có thẩm quyền và các chủ thể khác trong xã hội
- Hình thức pháp luật bao gồm hình thức bên trong và hình thức bên ngoài.
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 đã xác định: “Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản có chứa quy phạm pháp luật, được ban hành đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật này.
- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam:
  - Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội;
  - Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội;
  - Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước;
  - Nghị định của Chính phủ;
  - Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
  - Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;
  - Thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
  - Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ;
  - Quyết định của Tổng Kiểm toán Nhà nước;
  - Nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
  - Thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
  - Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.



## BÀI TẬP THỰC HÀNH

### CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích khái niệm hình thức pháp luật?
2. Trình bày về các hình thức pháp luật?
3. Phân tích ưu điểm và hạn chế của văn bản quy phạm pháp luật so với tập quán pháp?
4. Phân tích khái niệm, đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật? Phân biệt văn bản quy phạm pháp luật và văn bản áp dụng quy phạm pháp luật?
5. Trình bày về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?
6. Trình bày về hiệu lực theo thời gian của văn bản quy phạm pháp luật? Xác định các trường hợp áp dụng hiệu lực hồi tố của văn bản quy phạm pháp luật?

### CÂU HỎI ĐÚNG/SAI

1. Văn bản quy phạm pháp luật là hình thức pháp luật duy nhất của Việt Nam.
2. Hình thức pháp luật là phương thức truyền tải ý chí của giai cấp thống trị.
3. Thủ tướng Chính phủ ký quyết định bổ nhiệm ông H giữ chức Phó tổng Thanh tra Chính phủ. Quyết định đó của Thủ tướng Chính phủ là văn bản quy phạm pháp luật.
4. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được quyền ban hành mọi văn bản quy phạm pháp luật.
5. Tất cả các văn bản do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành đều là văn bản quy phạm pháp luật.
6. Văn bản quy phạm pháp luật có thể được áp dụng để điều chỉnh các quan hệ xã hội nảy sinh trước ngày văn bản đó có hiệu lực.

### CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. Hình thức nào dưới đây là hình thức bên ngoài của pháp luật?

- A. Văn bản áp dụng pháp luật.
- B. Tập quán.
- C. Quy phạm pháp luật.
- D. Tiền lệ pháp.

Đáp án đúng là: Tiền lệ pháp.

Vì: Hình thức bên ngoài của pháp luật bao gồm 3 hình thức: Văn bản quy phạm pháp luật; tập quán pháp và tiền lệ pháp. Văn bản áp dụng pháp luật và Tập quán không phải là hình thức bên ngoài của pháp luật. Còn quy phạm pháp luật là 1 bộ phận cấu thành hình thức bên trong của hệ thống pháp luật.

2. Trong các loại văn bản quy phạm pháp luật dưới đây, văn bản nào có hiệu lực pháp lý cao nhất?

- A. Nghị định

- B. Lệnh
- C. Luật
- D. Hiến pháp

Đáp án đúng là: Hiến pháp

Vì: Theo Điều 119 Hiến pháp 2013, Hiến pháp là luật cơ bản của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực pháp lý cao nhất.

3. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có quyền ban hành loại văn bản quy phạm pháp luật nào sau đây?
- A. Quyết định
  - B. Chỉ thị
  - C. Thông tư
  - D. Nghị quyết

Đáp án đúng là: Thông tư

Vì: Theo quy định tại Điều 4 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chỉ có thẩm quyền ban hành Thông tư.

4. Phong tục của một số dân tộc ít người khi được Nhà nước Việt Nam thừa nhận thì sẽ có giá trị bắt buộc thi hành như các quy tắc xử sự có tính bắt buộc đối với xã hội Việt Nam, đó là hình thức pháp luật nào?
- A. Áp dụng tương tự pháp luật
  - B. Tập quán pháp
  - C. Tiền lệ pháp
  - D. Văn bản quy phạm pháp luật

Đáp án đúng là: Tập quán pháp

Vì: Theo định nghĩa về tập quán pháp: Tập quán pháp là hình thức pháp luật tồn tại dưới dạng những phong tục, tập quán đã được lưu truyền trong đời sống xã hội, được Nhà nước thừa nhận thành những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc đối với xã hội.

5. Ở các nước theo hệ thống luật Anh – Mỹ (Common Law), trong quá trình xét xử, Thẩm phán có thể sử dụng các bản án giải quyết các vụ án cụ thể trong quá khứ, để dùng làm khuôn mẫu, căn cứ cho việc giải quyết các vụ án ở hiện tại, có tính tiết xảy ra tương tự, đó là hình thức pháp luật nào?
- A. Áp dụng tương tự pháp luật.
  - B. Tập quán pháp.
  - C. Tiền lệ pháp.
  - D. Văn bản quy phạm pháp luật.

Đáp án đúng là: Tiền lệ pháp.

Vì: Theo định nghĩa về tiền lệ pháp: Tiền lệ pháp là hình thức pháp luật tồn tại dưới dạng các phán quyết của các chủ thể có thẩm quyền khi giải quyết các vụ việc cụ thể, được Nhà nước thừa nhận làm khuôn mẫu cho việc giải quyết các vụ việc tương tự về sau.